

Các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng mô hình ABC/M cho các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn TP. Hà Nội và các tỉnh lân cận

HÀ XUÂN QUANG*
ĐỒNG TRUNG CHÍNH**
NGUYỄN NGỌC LINH***

Tóm tắt

Thông qua khảo sát 8 huyện trên địa bàn Hà Nội (gồm: Đông Anh, Thạch Thất, Hoài Đức, Quốc Oai, Hoài Đức, Mê Linh, Quốc Oai) và 2 tỉnh là Hưng Yên và Bắc Ninh, bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng mô hình quản trị chi phí kinh doanh theo quá trình hoạt động (ABC/M) cho các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn TP. Hà Nội và các tỉnh lân cận. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 7 nhân tố ảnh hưởng gồm: Hạn chế về kỹ thuật vận dụng; Tâm lý ngại thay đổi; Chưa có chiến lược sử dụng phương pháp ABC/M; Hạn chế về nhân lực; Thiếu nguồn lực; Cơ cấu tổ chức chưa phù hợp khu triển khai phương pháp ABC/M; và Thiếu sự ủng hộ của lãnh đạo.

Từ khóa: chi phí, chế biến gỗ, quá trình hoạt động

Summary

Through a survey of 8 districts in Hanoi (Dong Anh, Thach That, Hoai Duc, Quoc Oai, Hoai Duc, Me Linh, Quoc Oai) and 2 provinces of Hung Yen and Bac Ninh, the article studies factors impacting the application of business cost management model in the operation process to wood processing enterprises in Hanoi city and neighboring provinces. The fruits clarify seven determinants which are Limitations of application techniques; Fear of change; No strategy to use ABC/M method; Limitations of awareness; Lack of resources; Inappropriate organizational structure to implement ABC/M method; Lack of leadership support.

Keywords: cost, wood processing, operation process

GIỚI THIỆU

Với căn cứ và hệ thống nền tảng hiệu quả của việc ứng dụng mô hình ABC/M mang lại sự đột phá về hiệu quả làm giảm chi phí cho tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam. Một nền kinh tế phát triển dựa trên xuất khẩu, thì việc ứng dụng mô hình ABC/M càng làm tăng tính cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế. Thực tế việc triển khai áp dụng mô hình ABC/M vào các doanh nghiệp của Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp chế biến gỗ ở khu vực Hà Nội và các tỉnh lân cận nói riêng còn hạn chế. Nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng, đến việc áp dụng mô hình ABC/M, đồng thời đưa ra các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao hơn nữa hoạt động sản xuất, kinh doanh,

chế biến gỗ trên địa bàn trong thời gian tới tại TP. Hà Nội và các tỉnh lân cận.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Quản trị chi phí kinh doanh theo quá trình hoạt động (ABC/M - Activity-Based Costing and Management) được phát triển vào những năm 1980 để khắc phục một số hạn chế của quản trị chi phí kinh doanh truyền thống và tăng cường những lợi ích của ABC/M tới việc ra các quyết định chiến lược. Theo Cooper, Robin

* , **, ***; Trưởng Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội | Email: dongtrungchinh@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/12/2018; Ngày phản biện: 09/01/2019; Ngày duyệt đăng: 15/01/2019

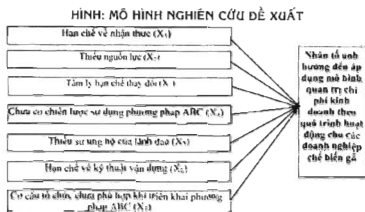
(1990) và các cộng sự, ABC/M là một quá trình quản trị mà ở đó các nhà quản trị trong doanh nghiệp đã sử dụng thông tin chi phí kinh doanh do phương pháp tính chi phí kinh doanh theo quá trình hoạt động cung cấp để quản lý các hoạt động và các quá trình kinh doanh. Với ABC/M, các nhà quản trị cấp cao, cũng như các nhà quản trị hoạt động không cần bằng cấp chuyên môn kế toán để hiểu và quản lý chi phí kinh doanh một cách có hiệu quả. Không giống như quản trị chi phí kinh doanh truyền thống, ABC/M lý giải trên cơ sở lặp luân rằng các hoạt động phát sinh chi phí thông qua hao phí các nguồn lực, trong khi nhu cầu khách hàng cho các sản phẩm/dịch vụ là nguyên nhân của các hoạt động được thực hiện.

Theo Hughes Andrew (2005), Quản trị theo quá trình hoạt động (ABM) là công cụ quản trị, mà các nhà quản trị các cấp có trách nhiệm sử dụng phương pháp tính chi phí kinh doanh theo quá trình hoạt động để phân tích, kiểm soát và cải thiện các hoạt động. Theo Gary Cokins (2013), ABC/M là phương thức tập trung vào quản trị các hoạt động trong quá trình kinh doanh như là nguồn gốc để tiếp tục cải thiện giá trị khách hàng nhận được và lợi ích doanh nghiệp có được từ giá trị đó.

Mô hình và giả thuyết nghiên cứu:

Dựa vào các công trình nghiên cứu của Phillip C. James (2013) đánh giá 3 nhân tố tác động đến vận dụng phương pháp ABC/M giúp kiểm soát chi phí cho doanh nghiệp. Thực hiện ABC/M có 6 giai đoạn khác nhau; đó là dẫn nhập, tiếp nhận, khả năng thích nghi (sự thích ứng), chấp nhận, trở thành công cụ quen thuộc, truyền đạt (2 giai đoạn cuối cùng được coi như là "giai đoạn chín muồi") và tại các giai đoạn khác nhau, các nhân tố chi phối được xác định thực hiện thành công ABC/M cũng khác nhau. Trong khung cảnh và điều kiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam nói chung và ngành chế biến gỗ nói riêng, nhóm tác giả sẽ tập trung vào một giai đoạn thực hiện ABC/M đó là giai đoạn tiếp nhận. Kết hợp với nghiên cứu tổng quan, có thể tổng hợp các quan điểm thành mô hình lý thuyết về các giả thuyết nghiên cứu, như sau:

- H₁: Hạn chế nhận thức về phương pháp ABC/M làm cản trở việc vận dụng phương pháp này vào các doanh nghiệp.
- H₂: Thiếu nguồn lực ảnh hưởng đến việc phân tích và thiết kế phương pháp ABC vào trong các doanh nghiệp.



Nguồn: Đề xuất của nhóm nghiên cứu

H₃: Tâm lý ngại thay đổi là rào cản cho việc phân tích và thiết kế hệ thống triển khai phương pháp ABC/M.

H₄: Chưa xây dựng chiến lược kinh doanh đòi hỏi sử dụng phương pháp ABC.

H₅: Thiếu sự ủng hộ của lãnh đạo là nhân tố thất bại trong việc triển khai phương pháp ABC/M tại đơn vị.

H₆: Hạn chế về kỹ thuật vận dụng là nhân tố thất bại phương pháp ABC/M tại các đơn vị.

H₇: Cơ cấu tổ chức chưa phù hợp khi triển khai phương pháp ABC/M, làm hạn chế triển khai phương pháp ABC/M trong các doanh nghiệp.

Dựa vào cơ sở lý thuyết nêu trên, nhóm tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu đề xuất như Hình.

Để phân tích ảnh hưởng của 7 nhân tố trên đến vận dụng phương pháp ABC/M vào các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận, nhóm tác giả đặt các nhân tố tác động là X₁ đến X₇ và ảnh hưởng đến phân bố chi phí theo phương pháp ABC/M vào các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn Hà Nội là Y, thì ta có mô hình đề xuất như sau:

$$Y = a_1X_1 + a_2X_2 + a_3X_3 + a_4X_4 + a_5X_5 + a_6X_6 + a_7X_7$$

Trong đó:

a_i được gọi là hệ số hồi quy, hay thể hiện mức độ tác động của nguyên nhân i đến Y;

X₁, X₂, X₃, X₄, X₅, X₆, X₇ là các biến như Hình.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp định tính và định lượng, sử dụng thang đo Likert 5 điểm. Sau khi bổ sung thêm biến quan sát theo kết quả nghiên cứu định tính, tổng cộng có 33 biến quan sát, bao gồm: Hạn chế về nhận thức (5 biến); Thiếu nguồn lực (4 biến); Tâm lý ngại thay đổi (6 biến); Chưa xây dựng chiến lược kinh doanh đòi hỏi sử dụng phương pháp ABC; (3 biến); Thiếu sự ủng hộ của lãnh đạo (4 biến); Hạn chế về kỹ thuật vận dụng (7 biến); Cơ cấu tổ chức chưa phù hợp khi triển khai phương pháp ABC (4 biến). Phiếu khảo sát được chọn theo phương pháp thuận tiện, có kiểm soát để có đủ các đại diện của các quận, huyện của TP. Hà Nội, gồm: Đông Anh (35 phiếu), Thạch Thất (35 phiếu), Hoài Đức (35 phiếu), Quốc Oai (35 phiếu), Hoài Đức (30 phiếu), Mê Linh (30 phiếu), Quốc Oai (35 phiếu) và hai tỉnh là Hưng Yên (40 phiếu) và Bắc Ninh (40 phiếu), với cỡ mẫu là 315. Sau khi thu thập

BẢNG 1: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CRONBACH'S ALPHA

Thành phần	Độ tin cậy thang đo (Cronbach's Alpha)	Phương sai trích (%)
X ₁ - Hạn chế về nhận thức	0.841	62.110
X ₂ - Thiếu nguồn lực	0.735	65.564
X ₃ - Tâm lý ngại thay đổi	0.782	54.351
X ₄ - Chưa có chiến lược sử dụng phương pháp ABC	0.898	84.055
X ₅ - Thiếu sự ủng hộ của lãnh đạo	0.738	65.824
X ₆ - Hạn chế về kỹ thuật vận dụng	0.865	63.102
X ₇ - Cơ cấu tổ chức chưa phù hợp khi triển khai phương pháp ABC	0.765	59.369

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

BẢNG 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH EFA

Các mục bối	Nhân tố							Tên nhân tố
	1	2	3	4	5	6	7	
X6.3	0.903							Hạn chế về kỹ thuật vận dụng
X6.1	0.879							
X6.2	0.874							
X6.4	0.831							
X6.5	0.771							
X6.6	0.649							
X3.1		0.833						Tâm lý ngại thay đổi
X3.2		0.825						
X3.3		0.701						
X3.5		0.641						
X3.4		0.632						
X7.4			0.913					Cơ cấu tổ chức chưa phù hợp khi triển khai phương pháp ABC
X7.1			0.892					
X7.2			0.885					
X7.3			0.864					
X4.1				0.840				Chưa có chiến lược sử dụng phương pháp ABC
X4.3				0.810				
X4.2				0.742				
X1.2					0.739			Hạn chế về nhận thức
X1.3					0.672			
X1.1					0.666			
X1.4					0.621			
X1.5					0.554			
X2.2						0.871		Thiếu nguồn lực
X2.4						0.841		
X2.3						0.839		
X5.1							0.815	Thiếu sự ủng hộ của lãnh đạo
X5.3							0.814	
X5.4							0.801	
Hệ số KMO					0.793			0.5 < α < 1
Giá trị sig trong kiểm định Bartlett					0.000			< 0.05
Phương sai trích					60.59%			60.59% > 50%
Giá trị Eigenvalues					1.603			1.603 > 1

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

và làm sạch, có 300 mẫu được đưa vào phân tích. Thời gian khảo sát từ tháng 03 đến tháng 06/2018. Nghiên cứu sử dụng chương trình SPSS 20 (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả phân tích Cronbach's Alpha (Bảng 1) cho thấy, các giá trị đều >0.6 và hệ số tương quan biến - tổng của các biến quan sát đều lớn hơn tiêu chuẩn cho phép là 0.3. Vì vậy, các thang đo trên đều được sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá (EFA) ở bước tiếp theo.

Kết quả Bảng 1 cũng cho thấy, hệ số tương quan giữa 7 thành phần (nhân tố độc lập) đều <0.9. Mặt khác, các giá trị P-value đều <0.05, nên hệ số tương quan của từng cặp thành phần khác biệt so với 1 ở độ tin cậy 95%. Vậy, các thang đo của mô hình đạt giá trị phân biệt.

Kết quả phân tích EFA

Sau khi phân tích Cronbach's Alpha, hệ số tin cậy của các nhóm biến đều lớn hơn 0.6 các hệ số tương quan biến - tổng đều lớn hơn 0.3. Tiểu hành phân tích EFA, phân tích phương pháp trích yếu tố Principal Component Analist, với phép xoay Varimax (Bảng 2).

Trong phân tích Cronbach's Alpha, loại trừ các biến bị loại khỏi phân tích EFA. Vì vậy, thực hiện phân tích EFA với 29 biến đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng mô hình ABC/M cho các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn TP. Hà Nội và các tỉnh lân cận thành 7 nhân tố, đó là: Hạn chế về kỹ thuật vận dụng, Tâm lý ngại thay đổi, Cơ cấu tổ chức chưa phù hợp khi triển khai phương pháp ABC/M, Hạn chế về nhận thức, Thiếu nguồn lực, Thiếu sự ủng hộ của lãnh đạo (Bảng 2). Đồng thời, kiểm định Bartlett's cho thấy, giữa các biến trong tổng thể có mối tương quan với nhau (mức ý nghĩa Sig. = 0.000 < 0.05) với hệ số KMO = 0.793 (0.5 < KMO < 1) chứng tỏ, phân tích EFA cho việc nhóm các biến này lại với nhau là thích hợp. Kết quả phân tích EFA cho thấy, có 06 nhân tố được trích tại Eigenvalue là 1.603 và tổng phương sai trích là 60.59% > 50%.

Phân tích hồi quy

Kết quả phân tích các hệ số hồi quy thể hiện rằng, tất cả 7 nhân tố độc lập đều có tác động dương (hệ số Beta dương) áp dụng mô ABC/M cho các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn TP. Hà Nội với mức ý nghĩa (Sig. = 0.00 rất nhỏ) ở tất cả các biến.

Kết quả hồi quy cho thấy, mức độ ảnh hưởng đến việc áp dụng mô hình ABC/M cho các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn TP. Hà Nội và các tỉnh lân cận lần lượt là: Hạn chế về kỹ thuật vận dụng (X₆=0.637); Tâm lý ngại thay đổi (X₃=0.575); Chưa có chiến lược sử dụng phương pháp ABC (X₄=0.232); Hạn chế về nhận thức (X₁=0.152); Thiếu nguồn lực (X₅=0.138); Cơ cấu tổ chức chưa phù hợp khi triển khai phương pháp ABC (X₇=0.123); và cuối cùng là Thiếu sự ủng hộ của lãnh đạo (X₂=0.100). Như

vậy, kết quả hồi quy và kiểm định các giả thiết thống kê, chúng ta rút ra mô hình hồi quy có các biến có hệ số chưa chuẩn hóa như sau:

$$Y = 0.152X_1 + 0.138X_2 + 0.575X_3 + 0.232X_4 + 0.106X_5 + 0.637X_6 + 0.123X_7$$

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 7 nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng mô hình ABC/M cho các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn TP. Hà Nội và các tỉnh lân cận, lần lượt từ cao đến thấp, như sau: Hạn chế về kỹ thuật vận dụng; Tâm lý ngại thay đổi; Chưa có chiến lược sử dụng phương pháp ABC; Hạn chế về nhận thức; Thiếu nguồn lực; Cơ cấu tổ chức chưa phù hợp khi triển khai phương pháp ABC/M; và cuối cùng là Thiếu sự ủng hộ của lãnh đạo. Vì vậy, để áp dụng mô hình ABC/M cho các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn TP. Hà Nội và các tỉnh lân cận, các doanh nghiệp cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, nhân tố Hạn chế về kỹ thuật vận dụng, các doanh nghiệp cần phải chú trọng đến áp dụng công nghệ trong quản lý tài chính. Yếu tố này ảnh hưởng lớn đến triển khai để áp dụng và lựa chọn tiêu thức khi triển khai phương pháp ABC/M. Để vận hành và duy trì hệ thống ABC trong đơn vị các doanh nghiệp cần phải thiết lập hệ thống dữ liệu kế toán, xử lý thông tin, cung cấp báo cáo kịp thời và chính xác hơn, đồng thời giảm thiểu chi phí.

Hai là, nhân tố Tâm lý ngại thay đổi, các doanh nghiệp cần phải có các biện pháp để đồng bộ triển khai sẽ giảm được tâm lý ngại thay đổi, tuyên truyền cho nhân viên thấy rằng, khi áp dụng phương pháp ABC/M sẽ giảm được khối lượng

BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY

Biến (thành phần)	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Giá trị kiểm định (t)	Giá trị Sig.
	Hệ số	Sai số			
	-1.571E-017	.026		.000	1.000
X ₁	.637	.026	.637	24.825	.000
X ₂	.575	.026	.575	22.411	.000
X ₃	.123	.026	.123	4.745	.000
X ₄	.232	.026	.232	9.074	.000
X ₅	.152	.026	.152	5.807	.000
X ₆	.138	.026	.138	5.281	.000
X ₇	.106	.026	.106	4.005	.000

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

công việc trong quá trình xử lý dữ liệu, tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguồn lực. Để hạn chế tâm lý ngại thay đổi doanh nghiệp cũng cần phổ biến và cụ thể hóa các mục tiêu đạt được, khuyến khích các giải pháp sáng, tạo nhằm thu hút các cá nhân tham gia để giảm bớt áp lực về tâm lý khi triển khai.

Ba là, nhân tố Chưa có chiến lược sử dụng phương pháp ABC/M, doanh nghiệp phải xác định được mục tiêu dài hạn và cần phải xây dựng chiến lược về kinh doanh trong thời đại công nghiệp 4.0. Môi trường kinh doanh hiện nay không có giới hạn, đó là thế giới phẳng và nhiều biến động xuất phát từ phát triển khoa học, công nghệ. Vì vậy, muốn tồn tại và phát triển doanh nghiệp cần phải có những lợi thế nhất định, cần có cách nhìn mới về quản trị doanh nghiệp để tạo ra tính mới nhằm tăng thêm thông tin để xây dựng các lợi thế cạnh tranh tạo ra lợi thế khác biệt, phương pháp ABC/M sẽ giúp các nhà quản trị kiểm soát tốt chi phí và các nguồn lực hiện có tại đơn vị.

Bốn là, nhân tố Hạn chế nhận thức, doanh nghiệp phải chỉ rõ những thay đổi cách nhìn về hệ thống thông tin kế toán khi áp dụng phương pháp ABC/M, thay đổi nhận thức về kế toán hiện nay vẫn còn nặng về kế toán tài chính, các nhà quản lý vẫn còn cho rằng, kế toán chỉ có mục tiêu duy nhất là phục vụ cho báo cáo thuế và kiểm toán. Cần chỉ rõ hạn chế nhận thức về kế toán như hiện nay và có những điều kiện thúc đẩy thay đổi quan điểm về kế toán đây cũng là tiền đề để sử dụng phương pháp ABC/M. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill (2010). *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, Nxb Tài chính
2. Cooper Robin (1990). *Five steps to ABC system design*, Accountancy, 106(1167), 78-81
3. Gary Cokins (2013). *Activity based costing, Making it work*, McGraw Hill
4. Hughes Andrew (2005). ABC/ABM - Activity - based costing, Activity - based management - A profitability model for SMEs manufacturing clothing and textiles in UK, *Journal of Fashion Marketing and Management*, 9(1), 8-19
5. Narcyz Roztocki, J David Porter, Ro bin M Thomas, Kim La Scola Needy (2004). A Procedure for Smooth Implementation of Activity - Based Costing in Small Companies, *Engineering Management Journal*, 16(4), 19-27
6. Phillip C. James (2013). An analysis of the factors influencing the adaption of Activity - based costing in Finance sector in Jamaica, *International Journal of Business and Social Research*, 3(7), 8-18